

Số: 733 /QĐ-HĐXTVC

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung, danh mục tài liệu ôn tập Vòng 2
kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc
Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật số 52/2019/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-SNN ngày 23/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-SNN ngày 30/3/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định Số 583/QĐ-SNN ngày 15/4/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức về việc thành lập Tổ nội dung ôn tập giúp việc Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, danh mục tài liệu ôn tập Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022;

- Nội dung, danh mục tài liệu (Bao gồm 09 mã nhóm chuyên ngành từ Phụ lục số 1 đến Phụ lục số 9 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao Phòng Tổ chức cán bộ (bộ phận thường trực Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thông báo nội dung, danh mục tài liệu ôn tập xét tuyển Vòng 2 theo đúng quy định.

Điều 3. Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022; Các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ HN;
- Ban Giám đốc Sở;
- Ban Giám sát;
- Website: sonnptnt.hanoi.gov.vn;
- Lưu: VT, TCCB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NN& PTNT
Nguyễn Văn Quynh**

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH KHUYẾN NÔNG (MÃ NHÓM KN)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 733 /QĐ-HĐXTVC ngày 11 /5/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông: Chương I, Chương II, Chương III: Điều 11, Mục 2: Từ Điều 24 đến Điều 26, Chương IV.

2. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị: Chương I: Điều 1 và Điều 2; Chương II, Chương III.

3. Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND TP Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố: Phụ lục 03: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thành phố Hà Nội.

4. Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố: Phụ lục 2: Quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội.

5. Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội: Điều 1: Khoản 1, 2, 3 và 9.

6. Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố: Phụ lục 05: Quy định một số nội dung, mức cho đối với hoạt động khuyến nông địa bàn thành phố Hà Nội.

7. Chương trình khuyến nông thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội: Phần 2, Mục I: Tiểu mục 2, 3 và 4; Mục II. Phụ lục số 1 và 2.

8. Quyết định số 216/QĐ-SNN ngày 23/01/2009 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN (MÃ NHÓM KT)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 733 /QĐ-HĐXTVC ngày 11/5/2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 26/6/2015:

Chương I: Điều 1, Điều 2 (khoản 1,2,3,4), Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18. Chương II: Điều 32, Điều 34; Chương IV: Điều 41, Điều 45;

Chương V: Điều 49, Điều 50, Điều 53, Điều 56, Điều 61; Chương VI: Điều 63, Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67, Điều 68.

2. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015:

Chương I: Điều 1, Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15;

Chương II: Mục 1: Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21

Mục 2: Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27

Mục 3: Điều 29, Điều 31, Điều 32

Mục 4: Điều 34, Điều 35

Mục 5: Điều 40, Điều 41, Điều 42

Chương III: Điều 49, Điều 51, Điều 52

3. Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội: Điều 2 (Nhiệm vụ và quyền hạn).

4. Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016: Điều 1.

5. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

6. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác:

Chương I: Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10

Chương II: Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25

Chương IV: Điều 32, Điều 33, Điều 34

Chương V: Điều 35, Điều 37, Điều 38.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH TRỒNG TRỌT (MÃ NHÓM TTr)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 733/QĐ-HĐXTVC ngày 11/5/2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018: Điều 3, Điều 56, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 72, Điều 76.
2. Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông: Chương I, Chương II, Chương III: Điều 11, Mục 2: Từ Điều 24 đến Điều 26; Chương IV.
3. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ: Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 16, Điều 17.
4. Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác: Điều 8, 10.
5. Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón: Điều 3.
6. Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định Quản lý, sử dụng đất trồng lúa: Điều: 7, 8.
7. Thông tư số 17/2019/BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định danh mục loài cây trồng chính: Điều 1.
8. Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 Một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội: Điều 1: Khoản 1, 2,3; Khoản 7, 8, 9,10.
9. Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND Thành phố quy định Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp Thành phố; các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm của Thành phố Hà Nội.
10. Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND Thành phố V/v ban hành danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội và tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng Công Nghệ Cao của thành phố Hà Nội: Phụ lục 2: mục 1: Tiêu chí sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong trồng trọt.
11. Quyết định số 216/QĐ-SNN ngày 23/01/2009 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP (MÃ
NHÓM HCTH) TẠI VÒNG 2 KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
*(Ban hành kèm theo Quyết định số **733** /QĐ-HĐXTVC ngày **11** /5/2022 của*
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010: Chương II, Chương III; Mục I, Mục 6; Điều 40, 41; Chương VI: Điều 61.
2. Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước, Luật số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018: Điều 3, Điều 5.
3. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.
4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: Chương I: Điều 1, 2, 3; Chương II: Điều 5, Điều 6; Khoản 3.
5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 02/12/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức: Chương I, Chương II: Mục 1, Chương III: Mục 5.
6. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về Quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức: Chương I, Chương II: Mục 1, Mục 3; Chương III: Mục 2, Mục 4.
7. Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về Chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang: Chương I, Chương II: Điều 5: bảng 2, bảng 3, bảng 4; Điều 6; Chương III.
8. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ Về công tác văn thư: Chương I: Từ Điều 2 - 6; Chương II: Mục 1: Điều 7-9; Chương III, IV, V.
9. Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ về Quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức: Chương II, Chương III.
10. Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 01/6/2021 của UBND Thành phố về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025: Mục II. Nhiệm vụ trọng tâm.
11. Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, bên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV, Mục IX.



**DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI (MÃ NHÓM CN)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 733 /QĐ-HĐXTVC ngày 11/5/2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)*

1. Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015

Chương I: Điều 4, Điều 6, Điều 13.

Chương II: Điều 14, Điều 15, Điều 18, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 30,
Điều 31, Điều 33, Điều 34, Điều 36.

Chương VI: Điều 107, Điều 108.

2. Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12

Chương I: Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 7.

Chương III: Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21.

Chương V: Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 60, Điều 61.

3. Luật chăn nuôi số 32/2018/QH14

Chương III: Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49,
Điều 50, Điều 51.

Chương IV: Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 59,
Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63.

Chương IV: Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72

4. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định
về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý,
hiếm được ưu tiên bảo vệ,

Chương 2: Điều 4, Điều 5, Điều 6.

Chương 3: Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 16.

5. Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông
nghiệp & PTNT Quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật
rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước

Chương II: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9.

Chương III: Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15.

ban

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PTNT
(MÃ NHÓM BVMT) TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 733 /QĐ-HĐXTVC ngày 11/5/2022 của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật BVMT số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020: Điều 3, Điều 4; Điều 56, 58, 61.
2. Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch: Điều 9, Điều 57.
3. Thông tư số 32/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/9/2014 quy định hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4. Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Liên Bộ: Nông nghiệp & PTNT và Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng.
5. Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc Thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng: Điều 3, 4, 5, 6, 8.
6. Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác.
7. Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.
8. Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025: Phụ lục I và Phụ lục II.
9. Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025.
- Phần thứ hai. Mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2021-2025.
10. Quyết định số 21/2002/QĐ-BNN ngày 21/3/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành tiêu chuẩn ngành về lĩnh vực môi trường:
 - 10.1. 10TCN 492-2002 - Công trình khí sinh học nhỏ. Yêu cầu kỹ thuật chung
 - 10.2. 10 TCN 496 – 2002- Công trình khí sinh học nhỏ- Yêu cầu vận hành và bảo dưỡng
 - 10.3. 10 TCN 497 – 2002- Công trình khí sinh học nhỏ- Yêu cầu về an toàn
11. Quyết định số 3194/QĐ-BNN-CN ngày 11/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành hướng dẫn kỹ thuật lắp đặt, sử dụng công trình Khí sinh học nắp cố định, Công trình khí sinh học bằng vật liệu Composite và Quy trình Kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót sinh học chăn nuôi lợn, gà: Hướng dẫn kỹ thuật kèm theo.

12. Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD ngày 17/3/2006 của Bộ Xây dựng Ban hành TCXDVN 33: 3006 “Cấp nước- Mạng lưới đường ống và công trình- Tiêu chuẩn thiết kế- *Phương pháp khử sắt trong nước ngầm*.”

13. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật công trình thoát nước- QCVN 07-2:2016/BXD: Mục 1.5; Mục 2.3; 2.4

14. Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7222: 2002- Yêu cầu chung về môi trường đối với các Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Mục 4, 5.

15. Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và bộ phận giúp việc Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố: Điều 1, 2, 3.

16. Quyết định số 1382/QĐ-SNN ngày 29/7/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội: Từ Điều 3 đến điều 7.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH LÂM NGHIỆP (MÃ NHÓM LN)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 733/QĐ-HĐXTVC ngày 11/5/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017: Điều 2, 5, 6, 8, 9, 26, 27, 45, 46, 47; Điều 51 đến Điều 57; Điều 63; Điều 73 đến Điều 76.
2. Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp: Điều 3, 6, 7, 8, 11, 16; Điều 19 đến Điều 25; Điều 35 đến Điều 38.
3. Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước: Điều 2, 3, 5, 6, 8, 9.
4. Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng: Điều 2 và Chương III.
5. Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về Quản lý rừng bền vững: Điều 5, 6, 11, 19.
6. Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh: Chương I; Mục 3 Chương II.
7. Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định danh mục loài cây trồng Lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính: Chương I; Phụ lục 1.
8. Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phân định ranh giới rừng: Điều 2 đến Điều 8; Điều 12, 13, 16.
9. Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng: Điều 3, 8, 11, 13; Điều 27 đến Điều 31; Điều 34 đến Điều 37.
10. Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh: Điều 10, 11, 15, 16, 20; Phụ lục II.
11. Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về phòng cháy và chữa cháy rừng: Điều 3 đến Điều 14; Phụ lục I.
12. Thông tư 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng: Điều 3 và Chương III
13. Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập BQL rừng Phòng hộ - Đặc dụng Hà Nội: Điều 1, 2, 3.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THỦY LỢI (MÃ NHÓM TL1)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~733~~ /QĐ-HĐXTVC ngày ~~11~~ /5/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Thủy lợi, Luật số: 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017: Từ Điều 3 đến Điều 6, từ Điều 8 đến Điều 13, từ Điều 16 đến Điều 23, từ Điều 25 đến Điều 38, từ Điều 40 đến Điều 57.
2. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về quy định chi tiết Luật Thủy lợi: Từ Điều 3 đến Điều 12; Điều 15, Điều 18, Điều 19; Từ Điều 21 đến Điều 24.
3. Luật Tài nguyên nước, Luật số: 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012): Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 9, Điều 25, Điều 26, Điều 28, Điều 31, Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 46, Điều 63, Điều 71.
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước: Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21.
5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi (Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).
6. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi Hà Nội (Quyết định số 2141/QĐ-SNN ngày 18/11/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội).
7. Quy trình vận hành Cụm công trình đầu mối phân lũ sông Đáy (QĐ số 2140/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội): Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, từ Điều 9 đến Điều 18, Điều 20, Điều 33, Điều 34, Điều 41, Điều 43.
8. Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Từ Điều 6 đến Điều 16, Điều 18.



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THỦY LỢI (MÃ NHÓM TL2)
TẠI VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số **733**/QĐ-HĐXTVC ngày **11/5/2022** của
Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022)

1. Luật Thủy lợi, Luật số: 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017:
Từ Điều 3 đến Điều 6; Từ Điều 8 đến Điều 13; Từ Điều 16 đến Điều 23; Từ Điều 25 đến Điều 38; Từ Điều 40 đến Điều 57.
2. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về quy định chi tiết Luật Thủy lợi:
Từ Điều 3 đến Điều 12; Điều 15, Điều 18, Điều 19; Điều 21, Điều 22, Điều 23; Điều 24.
3. Luật Tài nguyên nước, Luật số: 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012):
Điều 3, Điều 9, Điều 25, Điều 28, Điều 31, Điều 33, Điều 37, Điều 46, Điều 63.
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước:
Điều 16: Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép.
5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi (Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).
6. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi Hà Nội (Quyết định số 2141/QĐ-SNN ngày 18/11/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội).
7. Quy trình vận hành Cụm công trình đầu mối phân lũ sông Đáy (Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội).

